

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671003 - Thí nghiệm Vật lý đại cương
Lớp :

STC : 1(15,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Khắc Anh	Toàn	3475010297	20/09/1988				Nợ HP
2	Lê Tất	Sương	3571010222	12/05/1993				Nợ HP
3	Nguyễn Nhật	Khoa	3575010007	22/06/1993		,00	,00	Bỏ học
4	Trần Tường	Ngọc	3575010697	16/06/1993		,00	,00	Bỏ học
5	Lưu Đăng	Nam	3575010728	17/12/1993		,00	,00	Bỏ học
6	Phạm Nguyễn Vi	Kha	3575011274	04/09/1993		,00	,00	Bỏ học
7	Nguyễn Duy	Thành	3575030073	01/01/1993				Nợ HP
8	Nguyễn Thành	Đông	3575031183	02/08/1993				Nợ HP
9	Ngô Thùy	Nga	3575031769	24/03/1993				Nợ HP
10	Nguyễn Tiến	Lịch	3575031819	01/06/1992				Nợ HP
11	Phan Văn	Lành	3771040517	21/08/1994		5,00	5,00	
12	Nguyễn Thanh	Định	3771040520	12/12/1995		5,00	5,00	
13	Nguyễn Quang	Sang	3771040527	02/12/1995		1,70	1,70	
14	Võ Kế	Tứ	3771040533	01/09/1994		5,00	5,00	
15	Trần Hoàng	Định	3771040552	28/11/1995		3,70	3,70	
16	Phạm Đức	Vinh	3771040557	25/04/1995		5,00	5,00	
17	Nguyễn Vũ Hoàng	Nhật	3771040579	10/06/1992		1,00	1,00	
18	Phan Tiến	Dũng	3771040585	01/05/1995		5,00	5,00	
19	Nguyễn Hữu	Thức	3771040588	22/07/1995		5,00	5,00	
20	Trần Văn	Bảo	3771040601	01/12/1995		3,70	3,70	
21	Lương Văn	Được	3771040620	29/05/1995		5,00	5,00	
22	Lượng Phú	Thành	3771040631	10/04/1994		5,00	5,00	
23	Nguyễn Công	Tính	3771040632	20/11/1995		5,00	5,00	
24	Nguyễn Cao	Kỳ	3771040635	27/08/1993		3,70	3,70	
25	Trần Quang	Duy	3771040679	20/10/1995		5,00	5,00	
26	Đàm Xuân	Long	3771040684	06/10/1995		2,30	2,30	
27	Dương Thành	An	3771040690	01/01/1995		3,00	3,00	
28	Đỗ Nhật	Minh	3771040692	14/08/1995		3,70	3,70	
29	Nguyễn Minh	Trí	3771040700	20/11/1995		5,00	5,00	
30	Nguyễn Văn	Hậu	3771040717	25/10/1995		3,70	3,70	
31	Trần Hoàn	Hào	3771040718	18/08/1995		3,70	3,70	
32	Võ Hữu	Phước	3771040732	25/11/1994		5,00	5,00	
33	Lê Quốc	Phong	3771040735	02/10/1995		5,00	5,00	
34	Hoàng Ngọc	Phi	3771040752	19/05/1994		1,00	1,00	
35	Nguyễn Thanh	Duy	3771040754	07/11/1995		3,00	3,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phan Trung	Chi	3771040755	24/04/1995		2,30	2,30	
37	Phạm Hữu	Tú	3771040756	30/10/1994		3,70	3,70	
38	Lê Việt	Anh	3771040763	09/10/1995		3,70	3,70	
39	Trịnh Xuân	Hợp	3771040971	15/05/1995		3,70	3,70	
40	Nguyễn Hữu	Thông	3771041029	18/12/1995		3,70	3,70	
41	Đặng Thành	Tài	3771041074	11/07/1995		1,00	1,00	
42	Mai Trí	Tuệ	3771041109	28/01/1995		5,00	5,00	
43	Phạm	Tuân	3771041130	21/01/1995		5,00	5,00	
44	Lâm Văn	Tâm	3771041177	01/01/1994		3,70	3,70	
45	Đinh Đức	Nghĩa	3771041198	22/12/1995		5,00	5,00	
46	Võ Thanh	Duy	3771041224	28/08/1995		,00	,00	Bỏ học
47	Đỗ	Nhân	3771041236	20/12/1994		1,00	1,00	
48	Vũ Hữu	Danh	3771041240	10/07/1994		2,30	2,30	
49	Đạo Thị Mai	Thoảng	3771041244	24/07/1995		5,00	5,00	
50	Nguyễn Khánh	Dân	3771041248	16/11/1995		3,70	3,70	
51	Phạm Thị Tố	Nhi	3771041338	10/08/1994				
52	Nguyễn Trần	Trin	3771041352	28/10/1995		5,00	5,00	
53	Bùi Viết	Thế	3771041372	02/10/1995		5,00	5,00	
54	Huỳnh Khương Hữu	Trung	3771041393	21/07/1995		5,00	5,00	
55	Nguyễn Xuân	Thành	3771041423	15/05/1989		5,00	5,00	
56	Lê Trần Tấn	Lực	3771050874	09/02/1994		5,00	5,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)